

Số: 19/2026/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi
cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm
pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh
và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và
tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5
năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá
trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định
danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt
động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân
tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định danh mục nhiệm vụ,
hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

1. Tổng mức chi; nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong xây dựng mới hoặc ban hành văn bản thay thế nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều thì áp dụng tổng mức chi và định mức khoán chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi và định mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, mức độ phức tạp và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tại Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động do đơn vị mình thực hiện bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không vượt tổng mức chi và định mức khoán chi đối với từng nhiệm vụ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm có quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán theo sản phẩm tương ứng với khối lượng nhiệm vụ, hoạt động đã hoàn thành theo định mức chi quy định tại Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí, lập dự toán và phương thức thực hiện khoán chi

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn do ngân sách tỉnh bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật lập dự toán kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

3. Việc thanh toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung chi và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã được ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thanh toán thì được bổ sung dự toán và thanh toán theo mức khoán chi tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lạng Sơn;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Liên thông Hệ thống phần mềm HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Đoàn Thị Hậu



Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG
ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VÀ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH,
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

A. TỔNG MỨC CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG MỚI HOẶC BAN HÀNH VĂN BẢN THAY THẾ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Nhiệm vụ thẩm tra
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh					
a)	Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh	150	84	12,6	8,4	45
b)	Nghị quyết không thuộc điểm a Khoản này	100	56	8,4	5,6	30
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	70	56	8,4	5,6	-
3	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	30	24	3,6	2,4	-

B. ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO; THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH; THẨM TRA DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (triệu đồng)			
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Nghị quyết tại điểm a khoản 1 Mục A phụ lục	Nghị quyết tại điểm b khoản 1 Mục A phụ lục		
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		84	56	56	24
1	Đăng ký xây dựng văn bản		8	5	5	4
a)	Đăng ký xây dựng văn bản	Tờ trình đăng ký xây dựng văn bản	1	1	1	1
b)	Văn bản tham gia ý kiến đối với đăng ký xây dựng	Văn bản tham gia ý kiến của Sở Tư pháp	1	1	1	1
c)	Tiếp nhận, kiểm tra, tham mưu; chấp thuận đăng ký xây dựng quyết định hoặc trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng văn bản	Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh; văn bản của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh	3	1	3	2
d)	Chấp thuận đăng ký xây nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đăng ký xây dựng nghị quyết	3	2	-	-
2	Xây dựng báo cáo tổng kết thi hành pháp luật	Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật	3	3	3	-

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)			
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Nghị quyết tại điểm a khoản 1 Mục A phụ lục	Nghị quyết tại điểm b khoản 1 Mục A phụ lục		
3	Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	3	3	3	-
4	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	6	6	6	2
5	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	20	12	12	8
6	Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo Nghị quyết theo quy định cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo	9	-	-	-
7	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	2,5	2,5	2,5	1
8	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)	3	3	3	2

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)			
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Nghị quyết tại điểm a khoản 1 Mục A phụ lục	Nghị quyết tại điểm b khoản 1 Mục A phụ lục		
9	Lấy ý kiến hồ sơ dự thảo bằng hình thức phù hợp bảo đảm theo quy định	Biên bản họp/văn bản tham gia ý kiến	9	6	6	2,5
10	Đăng hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	Hồ sơ dự thảo đăng tải trên Cổng thông tin điện tử	0,5	0,5	0,5	0,5
11	Lấy ý kiến, xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý/phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý/phản biện	3	3	3	2
12	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	2	2	2	2
13	Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thông qua hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh.	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi đã xem xét	9	6	6	-
14	Lấy ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Văn bản chỉ đạo, cho chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	6	4	4	-
II	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		12,6	8,4	8,4	3,6
1	Trưởng hợp tự thẩm định					
	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	12,6	8,4	8,4	3,6
2	Trưởng hợp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định					

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)			
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Nghị quyết tại điểm a khoản 1 Mục A phụ lục	Nghị quyết tại điểm b khoản 1 Mục A phụ lục		
a)	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức cuộc họp thẩm định	Biên bản cuộc họp	3,6	2,4	2,4	1
b)	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	9	6	6	2,6
3	Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan				
a)	Lấy ý kiến thẩm định (Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ) và các cơ quan có liên quan (nếu có)	Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan	3,6	2,4	2,4	1
b)	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	9	6	6	2,6
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		8,4	5,6	5,6	2,4
1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo/ý kiến thẩm tra của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ dự thảo	4	2,4	2,4	1,2
2	Hoàn thiện, trình hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc chỉ đạo của Ban	2	1,2	1,2	-

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)			
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Nghị quyết tại điểm a khoản 1 Mục A phụ lục	Nghị quyết tại điểm b khoản 1 Mục A phụ lục		
		Thường vụ Tỉnh uỷ				
3	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành quyết định/Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh/Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh	2,4	2	2	1,2
IV	NHIỆM VỤ THẨM TRA		45	30	-	-
1	Hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh		27	18	-	-
a)	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ và xây dựng các văn bản tổ chức thẩm tra	Công văn, kế hoạch hoặc giấy mời họp phục vụ thẩm tra	3	2	-	-
b)	Họp thẩm tra	Thông báo kết luận thẩm tra/biên bản cuộc họp	10	6	-	-
c)	Xây dựng báo cáo thẩm tra	Báo cáo thẩm tra	14	10	-	-

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (triệu đồng)			
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh		Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
			Nghị quyết tại điểm a khoản 1 Mục A phụ lục	Nghị quyết tại điểm b khoản 1 Mục A phụ lục		
2	Phối hợp thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh (03 Ban)	Báo cáo/văn bản phối hợp thẩm tra	9	6	-	-
3	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đưa ra kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn bản, kết luận	6	4	-	-
4	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và ký chứng thực	Nghị quyết	3	2	-	-